TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 04/8/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lương Quân.
2. Ông Đinh Tình Thanh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Thành T, tên gọi khác: không, sinh ngày 11/01/1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành T1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1971; có vợ Nguyễn Thị Hoàng O; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 58/2010/HSST ngày 09/6/2010, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

- Ngày 17/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 419/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, đến ngày 02/11/2018 được tái hòa nhập cộng đồng, đã xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/7/2024 (có mặt tại phiên tòa).

2. Đào Thị Mộng T2, sinh ngày 19/9/1999 tại Đồng Tháp; nơi thường trú: khóm M, phường H, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ cũ: khóm M, phường A, thành phố

H, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở: khóm M, phường H, tỉnh Đồng Tháp (địa chỉ cũ: khóm M, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp); trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: làm thuê; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Thanh H1 (đã chết) và bà Đào Kim C, sinh năm 1975; chưa có chồng, con.

Tiền án: Tại bản án số 10/2022/HS-ST ngày 27/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 08 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/9/2022, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Ngày 06/5/2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 63/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền 12.500.000 đồng về hành vi "Buôn bán thuốc lá nhập lậu", chưa đóng phạt.

Nhân thân:

- Ngày 08/7/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, được tái hòa nhập cộng đồng ngày 17/4/2021.

- Tại Bản án số 06/2025/HS-ST ngày 15/01/2025, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp) xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị Công an thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bắt, tạm giữ, tạm giam ngày 14/7/2024, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành, Cục C10 - Bộ Công an theo Quyết định thi hành án phạt tù số 10/2025/QĐ-CA ngày 19/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo được trích xuất về Trại tạm giam Chí Hòa - Công an Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ công tác xét xử trong vụ án này (có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn N, sinh ngày 29/12/2003 tại Kiên Giang; nơi thường trú: ấp T, xã T, tỉnh An Giang (địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang); chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: bảo vệ; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 (đã chết) và bà Ngô Thị Ú, sinh năm 1971; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 14/7/2024 (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hồng C1, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ F, ấp C, xã P, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Tổ F, ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai) (vắng mặt tại phiên tòa);

2. Cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 07/3/2013; địa chỉ: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của cháu Lê Nguyễn Minh A: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1990; địa chỉ: A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) là mẹ ruột.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14/7/2024, Công an phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đi tuần tra đến trước nhà số A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì phát hiện Nguyễn Văn N đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 60B9-754.63 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. N tự dùng tay phải lấy từ túi áo bên phải đang mặc giao nộp 01 gói giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu, N khai là ma túy nên tổ công tác thu giữ vật chứng, đưa N về Công an phường Tân Định lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số 8394/KL-KTHS ngày 22/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể trong 01 gói niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký Nguyễn Văn N và hình dấu Công an phường Tân Định, Quận 1 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2077 gam, loại Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N khai nhận: do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/7/2024, N gọi điện thoại qua Z cho Đào Thị Mộng T2 đặt mua 300.000 đồng ma túy. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14/7/2024, theo sự chỉ dẫn của T2, N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 60B9-754.63 đi đến trước nhà số A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh gặp Lê Thành T để nhận ma túy. Tại đây, N gặp cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh năm 2013, con ruột của T đưa cho N 01 gói giấy bên trong có 01 gói nylon chứa ma túy. N nhận gói ma túy cất giấu vào túi áo phía trước, bên phải mà N đang mặc rồi đưa cho Minh A 300.000 đồng. Sau đó, N điều khiển xe mô tô lưu thông đến trước số A T thì bị phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Từ lời khai của N, qua truy xét Cơ quan điều tra đã yêu cầu Lê Thành T, Lê Nguyễn Minh A về trụ sở Công an phường Tân Định để làm việc. Quá trình điều tra xác định: Đào Thị Mộng T2 và Lê Thành T sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn tại nhà số A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 13/7/2024, T2 đến khu vực hẻm D N mua 01 gói ma túy đá của 01 người đàn ông tên "Khải" (chưa rõ lai lịch) với giá 800.000 đồng. T2 mang về nhà chia thành 02 gói, 01 gói Trinh để tại nhà số A Trần Quang K, 01 gói T2 đem theo về quê để sử dụng cho bản thân. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, T2 sử dụng số điện thoại 0705555023 gọi vào số điện thoại 0979939304 của T và nói cho T

biết T2 về quê có để lại cho T 01 gói ma túy đá để sử dụng, T đã sử dụng một ít và cất lại trên bàn thờ ông địa ở trong nhà. Vào khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, N điện thoại cho T2 để mua ma túy. T2 đồng ý và gọi điện thoại nói T lấy số ma túy còn lại mà T2 để lại cho T đưa cho N và nhận 300.000 đồng, T đồng ý rồi lấy gói ma túy trên gấp vào khăn giấy. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14/7/2024, T đưa gói giấy chứa ma túy cho cháu Lê Nguyễn Minh A đem ra cửa giao cho N, N đưa số tiền 300.000 đồng gồm 01 tờ 100.000 đồng, 3 tờ 50.000 đồng, 2 tờ 20.000 đồng, 1 tờ 10.000 đồng cho Minh A đem vào nhà đưa cho T, T gọi điện thoại cho T2 báo đã giao xong ma túy và nhận tiền.

Cùng ngày 14/7/2024, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Lê Văn T4 tại nhà số A T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ: 01 túi nylon màu đen, bên trong chứa 01 gói nylon lớn chứa bột; 01 gói nylon nhỏ chứa bột; 01 gói nylon chứa 01 viên nén hình tròn; 20 gói nylon in chữ "Ferrari" chứa bột; 08 gói nylon in chữ "CHALI" chứa bột; 01 túi nylon màu xanh, bên trong có 04 túi zip viền đỏ và 16 túi zip viền xanh; 32 gói nylon in chữ "CHALI" chứa bột; 01 gói nylon chứa 01 viên nén hình thoi; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: bình nhựa, ống thủy tinh, ống hút nhựa.

Tại bản Kết luận giám định số 8413/KL-KTHS ngày 19/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 03 gói niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký Lê Thành T và hình dấu Công an phường Tân Định, Quận 1, bên trong có: Gói 1: 01 túi nylon màu đen, bên trong chứa: bột trong 01 gói nylon; bột trong 01 gói nylon; 01 viên nén hình tròn trong 01 gói nylon; bột trong 20 gói nylon in chữ "Ferrari"; bột trong 08 gói nylon in chữ "CHALI". Gói 2: Bột trong 32 gói nylon in chữ "CHALI". Gói 3: 01 viên nén hình thoi trong 01 gói nylon. Tất cả đều không tìm thấy ma túy.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thành T khai nhận: Khoảng giữa tháng 5/2024, trong một lần sử dụng ma túy cùng bạn bè quen biết ngoài xã hội, T gặp và quen biết, sống như vợ chồng với T2, quá trình chung sống, T2 thường cho T ma túy đá để sử dụng. Ngày 13/7/2024, T2 gọi điện và nói có để 01 gói ma túy đá trên bàn thờ ông địa dưới đất trong phòng khách nhà 149B đường T, sau đó T đã lấy và sử dụng một ít. Đến khoảng hơn 01 giờ 00 ngày 14/7/2024, T2 sử dụng số điện thoại 0705555023 gọi điện cho T (số điện thoại 0979939304) nói đang ở nhà tại Đồng Tháp và hỏi gói ma túy cho T có còn không, T báo còn nên T2 nói T đưa gói ma túy đá này cho Nguyễn Văn N và nhận số tiền 300.000 đồng. T lấy gói ma túy đá bỏ vào trong khăn giấy gấp lại chờ N đến lấy. Khi N đến, T2 liên lạc báo cho T nên T đưa gói giấy bên trong có gói ma túy đá cho con trai Lê Nguyễn Minh A mang ra đưa cho N, nhận 300.000 đồng và đưa lại cho T. Đến ngày 30/10/2024, T thay đổi lời khai cho rằng không biết gói giấy đưa cho Minh A bên trong là ma túy.

Lê Nguyễn Minh A khai nhận: Minh A là con ruột của Lê Thành T, khoảng 01 giờ 20 phút, ngày 14/7/2024, Minh A được T đưa cho 01 gói giấy màu trắng, Minh A không biết bên trong chứa gì, T kêu Minh A mang gói giấy này đưa cho một người thanh niên mặc áo ngắn tay màu xanh dương, quần dài màu đen (tại

cơ quan Công an Minh Anh mới biết người này tên là Nguyễn Văn N) đang đứng trước nhà đợi. Sau khi Minh A đưa gói giấy màu trắng cho N thì N đưa cho Minh A 300.000 đồng gồm 01 tờ 100.000 đồng, 3 tờ 50.000 đồng, 2 tờ 20.000 đồng, 1 tờ 10.000 đồng, khi nhận được tiền Minh A nhét tiền qua khe nhà cho T. Việc T và Đào Thị Mộng T2 bán ma túy cho N thì Minh A hoàn toàn không biết.

Cùng ngày 14/7/2024, Đào Thị Mộng T2 bị Công an thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp kiểm tra và bắt giữ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ vào lời khai nhận tội của Nguyễn Văn N, Đào Thị Mộng T2, cháu Lê Nguyễn Minh A phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận giám định số ma túy thu giữ của N, kết quả xác nhận bản ảnh vật chứng thu giữ, xác nhận địa điểm, kết quả đối chất giữa N và T2, kết quả nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra thu thập được, có đủ cơ sở xác định Lê Thành T, Đào Thị Mộng T2 có hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy".

Đối với đối tượng tên "K" (chưa rõ lai lịch) bán ma túy cho T2, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Đối với cháu Lê Nguyễn Minh A, quá trình điều tra xác định Minh A không biết trong gói giấy T đưa giao cho N có ma túy, ngoài ra vào thời điểm thực hiện hành vi Minh A 11 tuổi 4 tháng, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không xem xét xử lý đối với Minh A.

Vật chứng vụ án:

Thu giữ của Nguyễn Văn N: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đại úy Bùi Công D, Nguyễn Hoàng N1, ghi số vụ 8394 (2587/24) bên trong có 01 gói giấy chứa 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy còn lại sau giám định; 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu xanh; 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 60B9-754.63, số khung: RLHKC4408NY006266, số máy: KC34E1293627.

Thu giữ của Lê Thành T: Số tiền 300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh; 03 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, Nguyễn Hoàng N1, ghi số vụ 2593/24 Gói 1, 2, 3 bên trong chứa bột, khối lượng còn lại sau giám định; 01 túi nylon màu xanh, bên trong có 04 túi zip viền đỏ và 16 túi zip viền xanh; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: bình nhựa, ống thủy tinh, ống hút nhựa.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS-Q1 ngày 02/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố bị cáo Lê Thành T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm e khoản 2 Điều 251; bị cáo Đào Thị Mộng T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251; bị cáo Nguyễn Văn

N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N, Đào Thị Mộng T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh) và thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh là đúng, không oan sai. Riêng bị cáo Lê Thành T không thừa nhận hành vi phạm tội.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của các bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Lê Thành T, Đào Thị Mộng T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 50; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 17; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Thị Mộng T2 từ 03 năm đến 04 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 06/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Lê Thành T, Đào Thị Mộng T2, Nguyễn Văn N.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong là ma túy còn lại sau giám định; 03 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, Nguyễn Hoàng N1, ghi số vụ 2593/24; 01 túi nylon màu xanh, bên trong có 04 túi zip viền đỏ và 16 túi zip viền xanh; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm bình nhựa, ống thủy tinh, ống hút nhựa. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: số tiền 300.000 đồng là tiền mua bán ma túy; 01 điện thoại di động hiệu Redmi thu giữ của Nguyễn Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh thu giữ của Lê Thành T sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho ông Nguyễn Hồng C1 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 60B9-754.63.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo Đào Thị Mộng T2, Nguyễn Văn N thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập xã hội. Riêng bị cáo T không nói lời sau cùng, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo và cho rằng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N, Đào Thị Mộng T2 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo Lê Thành T tuy không nhận tội nhưng cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn N, Đào Thị Mộng T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng bị cáo Lê Thành T không thừa nhận có bàn bạc với T2 lấy ma túy đưa cho N và nhận số tiền 300.000 đồng, không biết gói giấy đã đưa cho Minh A để đưa cho N bên trong là ma túy.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại bản tường trình, biên bản ghi lời khai (bút lục 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157) bị cáo Lê Thành T thừa nhận: Ngày 13/7/2024, T2 gọi điện cho T và nói T2 để 01 gói ma túy đá trên bàn thờ ông địa dưới đất trong phòng khách nhà A đường T để T sử dụng, sau đó T đã lấy và sử dụng một ít. Đến khoảng hơn 01 giờ 00 ngày 14/7/2024, T2 sử dụng số điện thoại 0705555023 gọi điện cho T (số điện thoại 0979939304) nói đang ở nhà tại Đồng Tháp và hỏi gói ma túy cho T có còn không, T báo còn nên T2 nói T đưa gói ma túy đá này cho Nguyễn Văn N và nhận số tiền 300.000 đồng. T lấy gói ma túy đá bỏ vào trong khăn giấy gấp lại chờ N đến lấy. Khi N đến, T2 liên lạc báo cho T nên T đưa gói giấy bên trong có gói ma túy đá cho con trai là cháu Lê Nguyễn Minh A mang ra đưa cho N, nhận 300.000 đồng (tiền bán ma túy đá) gồm 01 tờ 100.000 đồng, 3 tờ 50.000 đồng, 2 tờ 20.000 đồng, 1 tờ 10.000 đồng và đưa lại cho T.

[2.2] Tại bản chụp thu giữ vật chứng và biên bản nhận dạng (bút lục 128, 129, 130, 131, 132), bị cáo T nhận dạng được T2 và xác nhận T2 là người gọi điện nhờ T đưa gói ma túy đá cho bị cáo N, bị cáo T cũng ký và xác nhận hình ảnh vật chứng thu giữ là gói giấy bên trong chứa gói ma túy đá được T đưa cho cháu Lê Nguyễn Minh A để cháu Minh A đưa cho bị cáo N là người mua gói ma túy đá đó với giá 300.000 đồng. Tại biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu (bút lục 122), bị cáo T thừa nhận tài sản tạm giữ bao gồm có số tiền 300.000 đồng gồm 01 tờ 100.000 đồng, 3 tờ 50.000 đồng, 2 tờ 20.000 đồng, 1 tờ 10.000 đồng là do "tôi (T) bán ma túy mà có".

[2.3] Lời khai của bị cáo Lê Thành T tại giai đoạn điều tra như đã nêu ở mục 2.1, phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, tại phiên tòa của bị cáo Nguyễn Văn N (bút lục 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 365-367), của bị cáo Đào Thị Mộng T2 (bút lục 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 368-372 và của cháu Lê Nguyễn Minh A (bút lục số 240, 241, 378).

Căn cứ vào lời khai nhận tội của N, T2, cháu Lê Nguyễn Minh A phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận giám định số ma túy thu giữ của N, kết quả nhận dạng, đối chất, bản ảnh vật chứng thu giữ, bản ảnh xác nhận địa điểm thời gian thực hiện hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Lê Thành T đã thực hiện hành vi như lời khai ban đầu của bị cáo tại giai đoạn điều tra. Việc bị cáo T thay đổi lời khai, không thừa nhận có bàn bạc với T2 lấy ma túy đưa cho N và nhận số tiền 300.000 đồng, không biết gói giấy đã đưa cho Minh A để đưa cho N bên trong là ma túy là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn N, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản nhận dạng, đối chất, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lịch sử chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng trích xuất từ điện thoại thu giữ và các chứng cứ tài liệu khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/7/2024, Nguyễn Văn N gọi điện thoại qua Z cho Đào Thị Mộng T2 đặt mua 300.000 đồng tiền ma túy để sử dụng. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 14/7/2024, theo sự chỉ dẫn của T2, N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 60B9-754.63 đi đến trước nhà số A T, phường T, Quận A gặp Lê Thành T để lấy ma túy. Tại đây, N gặp cháu Lê Nguyễn Minh A là con ruột của T đưa cho N 01 gói giấy bên trong có 01 gói nylon chứa ma túy. N nhận gói ma túy cất giấu vào túi áo phía trước, bên phải mà N đang mặc rồi đưa cho Minh A 300.000 đồng, N điều khiển xe mô tô lưu thông đến trước số A T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì bị Công an yêu cầu dừng xe kiểm tra. N tự dùng tay phải lấy từ túi áo bên phải đang mặc giao nộp 01 gói giấy bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu là ma túy nên bị đưa về trụ sở Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Từ lời khai của N, kết quả điều tra đã xác định Lê Thành T và Đào Thị Mộng T2 đã có hành vi bán ma túy cho N. Quá trình giúp T2 bán ma túy, T đã sử dụng con ruột của mình là cháu Lê Nguyễn Minh A, sinh ngày 07/3/2013 là người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội đi giao ma túy và nhận tiền từ người mua đem về cho T.

[4] Tại bản Kết luận giám định số 8394/KL-KTHS ngày 22/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể trong 01 gói niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký Nguyễn Văn N và hình dấu Công an phường Tân Định, Quận 1 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2077 gam, loại Methamphetamine.

[5] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [4] có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Lê Thành T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" thuộc trường hợp sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 251; bị cáo Đào Thị Mộng T2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo quy định tại khoản 1 Điều 251; bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Thành T, Đào Thị Mộng T2 là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn làm tha hóa thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bản thân các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra tương ứng với từng tội danh mà các bị cáo phạm phải nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Lê Thành T có nhân thân xấu bị xử phạt tù về tội "Cướp giật tài sản", bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Bị cáo Đào Thị Mộng T2 bị xử phạt tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Thành T không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Đào Thị Mộng T2 có 01 tiền án về tội "Cố ý gây thương tích", chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn N, Đào Thị Mộng T2 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lê Thành T chưa thành khẩn khai báo, quanh co chối tội nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định khi quyết định hình phạt cho các bị cáo như sau:

Trong vụ án này, các bị cáo Đào Thị Mộng T2, Lê Thành T phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, nhưng cần áp dụng quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để phân hóa vai trò của từng bị cáo, xử phạt mỗi bị cáo với mức hình phạt phù hợp. Bị cáo T2 là người trực tiếp mua ma túy về phân chia, thỏa thuận, giao dịch bán ma túy cho Nguyễn Văn N, chỉ đạo T lấy ma túy giao và nhận tiền của N. Bị cáo T phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức, đồng ý giao ma túy và nhận tiền từ N. Tuy nhiên, T không trực tiếp thực hiện mà đã bỏ ma túy vào trong gói giấy rồi giao cho con trai Lê Nguyễn Minh A là người dưới 16 tuổi mang ra đưa cho N, nhận 300.000 đồng (tiền bán ma túy đá) và đưa lại cho T. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N là người chủ động liên hệ đặt mua ma túy của T2 để sử dụng nên cần phải áp dụng hình phạt phù hợp để răn đe và ngăn ngừa tội phạm.

[10] Về hình phạt bổ sung: ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Đào Thị Mộng T2 phải chịu hình phạt tổng hợp với hình phạt 07 năm tù của bản án trước đang có hiệu lực pháp luật (Bản án số 06/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp)) theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[12] Về hành vi của các đối tượng liên quan: Đối với đối tượng tên "K" là người bán ma túy cho T2, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xét.

[13] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền 300.000 đồng thu giữ của Lê Thành T là tiền trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành, số vật chứng sau giám định không tìm thấy thành phần ma túy và các vật dụng gồm túi nylon, túi zip, bộ dụng cụ sử dụng ma túy bình nhựa, ống thủy tinh, ống hút nhựa không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realmi thu giữ của Nguyễn Văn N, 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Lê Thành T. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại di động để liên lạc mua bán, giao nhận ma túy. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Winner, biển kiểm soát 60B9-754.63, số khung: RLHKC4408NY006266, số máy: KC34E1293627 nguyên thủy, qua xác minh xe do ông Nguyễn Hồng C1 đứng tên sở hữu. N khai mượn xe mô tô trên

của C1 để đi công việc và mua đồ ăn, không nói với C1 là đi mua ma túy. C1 khai nhận cho N mượn xe, không biết N sử dụng xe để đi mua ma túy nên trả lại xe cho ông C1.

[14] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thành T 09 (chín) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 19/7/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Thị Mộng T2 03 (ba) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số 06/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Toà án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2024.

3. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2024.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đại úy Bùi Công D, Nguyễn Hoàng N1, ghi số vụ 8394 (2587/24); 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, Nguyễn Hoàng N1, ghi số vụ 2593/24 Gói 1; 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, Nguyễn Hoàng N1, ghi số vụ 2593/24 Gói 2; 01 gói niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Đại úy Võ La Bảo Y, Nguyễn Hoàng N1, ghi số vụ 2593/24 Gói 3; 01 bình nhựa; 01 ống thủy tinh; 01 ống hút nhựa; 01 túi nylon màu xanh; 04 túi nylon viền đỏ; 16 túi nylon viền xanh.

- Tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imei 1: 353159117299534, số Imei 2: 353159117799533; 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh, số Imei 1: 863320061394852, Imei 2: 863320061394845 và số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

(Các vật chứng trên theo Phiếu nhập kho vật chứng số 342/2024/PNK-THAHS ngày 05/12/2024 của Cơ quan THAHS Công an Quận 1, Thành phố Hồ

Chí Minh và Lệnh nhập kho vật chứng số 1809/LNK-ĐCSMT ngày 02/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Thành T, Đào Thị Mộng T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn N, Lê Thành T, Đào Thị Mộng T2, cháu Lê Nguyễn Minh A, bà Nguyễn Hoàng O được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Hồng C1 được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND khu vực 1 - TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (3)
- Trại tạm giam Chí Hòa - Công an TP.HCM; (3)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (4)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Phòng THADS khu vực 1 - TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Đương sự; (3)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/30) (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sỹ Hùng